**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II LỚP 8:**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  | |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 |  | 60 | |
| - Nghị luận trung đại |
| **2** | **Viết** | - Thuyết minh về phương pháp (cách làm), danh lam thắng cảnh. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 | |
| - Nghị luận có sử dụng yếu tố miêu tả, tự sự |
| **Tổng số câu** | | | 5 | 1\* | 3 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 11 | |
| **Tổng điểm** | | | 2,5 | 0.5 | 1.5 | 2.0 | 0 | 2.5 | 0 | 1.0 | 10 | |
| **Tỉ lệ %** | | | 30% | | 35% | | 25% | | 10% | | 100 | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận Dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| 1 | **ĐỌC HIỂU** | **1. Thơ** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ  - Xác định được biện pháp tu từ trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản. | 5TN | | 3TN  1TL | | 1 TL | |  | |
| **2. Nghị luận trung đại** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  | |  | |  | |  | |
| **2.** | **VIẾT** | **1. Viết bài văn thuyết minh về phương pháp cách làm hoặc danh lam thắng cảnh.** | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn minh về phương pháp cách làm hoặc danh lam thắng cảnh. |  | |  | |  | |  | |
| **2. Viết bài văn nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận** | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài bài văn có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận |
| **Tổng** | |  | | | **5 TN** | | **3 TN**  **1 TL** | | **1**  **TL** | | **1 TL\*** | |
| **Tỉ lệ %** | |  | | | **30%** | | **35%** | | **25%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | | **65%** | | | | **35%** | | | |

\* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Tre Việt Nam**

Tre xanh,

Xanh tự bao giờ?

Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh

Thân gầy guộc, lá mong manh

Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?

Ở đâu tre cũng xanh tươi

Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?

Có gì đâu, có gì đâu

Mỡ màu ít, chắt dồn lâu hóa nhiều

Rễ siêng không ngại đất nghèo

Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù.

Vươn mình trong gió tre đu

Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành

Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh

Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.

Bão bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm

Thương nhau tre chẳng ở riêng

Lũy thành từ đó mà nên hỡi người

Chẳng may thân gãy cành rơi

Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng

Nòi tre đâu chịu mọc cong

Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.

Lưng trần phơi nắng phơi sương

Có manh áo cộc, tre nhường cho con.

Măng non là búp măng non.

Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre.

Năm qua đi, tháng qua đi

Tre già măng mọc có gì lạ đâu

Mai sau,

Mai sau,

Mai sau,

Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

(Nguyễn Duy)

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Bảy chữ

B. Lục bát

C. Tự do

D. Năm chữ

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

**Câu 3.** Câu thơ sau thuộc kiểu câu nào?

*Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?*

A. Câu trần thuật

B. Câu cầu khiến

C. Câu cảm thán

D. Câu nghi vấn

**Câu 4:** Đoạn thơ sau cho thấy đức tính gì của cây tre Việt Nam?

*"Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

*Thương nhau tre chẳng ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người"*

A. Tình yêu thương đồng loại

B. Cha truyền con nối

C. Cần cù, chịu khó

D. Ngay thẳng

**Câu 5**. Câu thơ dưới đây cho thấy đức tính gì của cây tre?

*"Lưng trần phơi nắng phơi sương*

*Có manh áo cộc, tre nhường cho con."*

(Tre Việt Nam - Nguyễn Duy)

A. Chịu khó, cần cù

B. Tinh thần đoàn kết

C. Hi sinh, nhường nhịn

D. Ngay thẳng, bất khuất

**Câu 6**. Dòng thơ dưới đây cho thấy đức tính gì của cây tre Việt Nam?

*"Nòi tre đâu chịu mọc cong.*

*Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường."*

A. Đoàn kết, đùm bọc nhau

B. Khỏe khoắn, ngay thẳng, bất khuất

C. Khỏe khoắn, vững chắc

D. Chịu thương, chịu khó

**Câu 7**. Đoạn thơ kết bài có ý nghĩa gì?

" Mai sau,

Mai sau,

Mai sau,

Đất xanh tre mãi xanh xanh màu tre xanh".

A. Thể hiện vẻ đẹp sự kế tiếp liên tục của các thế hệ - tre già măng mọc, giống như những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam sẽ mãi mãi nối tiếp liên tục từ thế hệ nay sang thế hệ khác.

B. Dự đoán sau này bóng tre xanh sẽ còn lan tỏa khắp các làng quê, các ruộng đồng, núi đồi, thành phố trên đất nước Việt Nam.

C. Màu xanh của tre là màu vô cùng tươi đẹp.

D. Cần có biện pháp hữu hiệu để màu xanh của tre được phủ khắp trên đất nước Việt Nam.

**Câu 8.** Những phẩm chất tốt đẹp nào của người dân Việt Nam được hiện lên thông qua hình ảnh cây tre?

A. Cần cù, đoàn kết

B. Cần cù, đoàn kết, ngay thẳng

C. Cần cù, đoàn kết, nhân hậu, thông minh

D. Nhân hậu, thông minh

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ:

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

**Câu 10:**Hình ảnh cây tre trong bài thơ đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của con người Việt Nam? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trò chơi điện tử đang trở thành trò tiêu khiển hấp dẫn, nhất là đối với các bạn học sinh. Nhiều bạn vì mải chơi nên sức học ngày càng giảm sút và còn phạm những sai lầm khác. Em hãy viết bài văn nghị nêu suy nghĩ của mình về hiện tượng đó.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | - Biện pháp tu từ nhân hóa: tay ôm tay níu.  - Tác dụng: Phép nhân hóa làm cho cây tre trở nên sinh động, có hồn, khắc họa hình ảnh cây tre mang phẩm chất vốn có của con người Việt Nam: Yêu thương, đoàn kết gắn bó với nhau trong mọi hoàn cảnh. | 0,5  0,5 |
| **10** | - Hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý của con người Việt Nam: Cần cù, lạc quan, kiên cường bất khuất, đoàn kết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau vượt qua mọi khó khăn gian khổ. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: | | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | | 2.5 |
| **1. Mở bài:**  - Khái quát về tác hại của trò chơi điện tử.  - Nêu vấn đề cần nghị luận.  2. **Thân bài**:  **\* Hiện trạng:**  - Số lượng cửa hàng dịch vụ trò chơi điện tử nhiều và ngày càng gia tăng. Nó đã thu hút rất nhiều đối tượng, mọi lứa tuổi, đặc biệt là học sinh ở độ tuổi mới lớn, ưa thích khám phá cái mới.  - Nhiều bạn học sinh ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình máy tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy mà sao nhãng học hành và còn phạm nhiều sai lầm khác nữa…   1. **\* Nguyên nhân:**   - Trò chơi điện tử hiện nay đang thu hút mọi người bởi tính đa dạng và phong phú của nó. Đây là một thú vui tiêu khiển rẻ tiền, dễ chơi với những âm thanh, đồ họa rất sống động, bắt mắt, mới lạ, hợp với tính cách của giới trẻ.  - Do bản thân chưa có ý thức tự giác, còn mãi chơi; do gia đình, bố mẹ còn lỏng lẻo trong việc quản lí con cái…  \* **Tác hại:**  - Đam mê trò chơi điện tử: tốn thời gian dễ khiến học sinh sao nhãng việc học tập, dẫn đến kết quả thấp kém, trốn học, bỏ học…  - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người: cận thị, đầu óc mệt mỏi, sống với thế giới ảo sẽ làm đầu óc mụ mẫm, ảo giác, thiếu vốn sống thực tế…  - Để có tiền chơi điện tử, người chơi có thể trở thành kẻ trộm cắp, cướp giật, thậm chí gây nhiều tội ác khác,  - Bị ảnh hưởng bởi những nội dung không lành mạnh hoặc bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo dễ mắc vào các tệ nạn xã hội…  (Nêu một vài dẫn chứng cụ thể).  **\* Giải pháp khắc phục, lời khuyên.**    Việc mải chơi điện tử rất nguy hại với lứa tuổi học sinh. Vì vậy:  - Mỗi học sinh cần phải có ý thức tự giác, thực hiện quy định về thời gian, không ảnh hưởng đến học tập…  - Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tổ chức các sân chơi bổ ích và lành mạnh nhằm thu hút các em.  - Gia đình quản lý chặt chẽ con cái.  - Các cơ quan chức năng cần quản lí và kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ điện tử, cần có hình thức xử phạt nghiêm đối với các đối tượng vi phạm…  (Học sinh có thể nêu những giải pháp hợp lý khác)  - Liên hệ thực tế, đưa ra lời khuyên thiết thực.  3. **Kết bài**:  - Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luậnvà liên hệ bản thân. | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com